

Số: 26 /QĐ-TTYT

Thạch Hà, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Trung tâm Y tế Thạch Hà

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1526/QĐ-SYT ngày 30/12/2025 của Sở Y tế Hà Tĩnh về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc;

Xét đề nghị của kế toán trưởng đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trung tâm Y tế Thạch Hà (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phòng Tài chính Kế toán và các đơn vị, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH SYT;
- Kho bạc nhà nước;
- Lưu :VT, TV.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thế Phiệt

Đơn vị: Trung tâm Y tế Thạch Hà
Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày 14/01/2026 của Giám đốc Trung tâm Y tế)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Nội dung	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi TX để thực hiện CCTL	Số còn lại cấp qua Kho bạc nhà nước
I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1. Số thu phí, lệ phí			
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại			
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN			
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.872.000.000	0	4.872.000.000
1. Chi quản lý hành chính			
Chương 423 - Loại 340 - Khoản 341			
1.1 Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2 Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2. Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	4.222.000.000	0	4.222.000.000
Chương 423 - Loại 130 - Khoản 132	4.222.000.000	0	4.222.000.000
2.1 Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.2 Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (*)	4.222.000.000		4.222.000.000
3. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	650.000.000	0	650.000.000
Chương 423 - Loại 370 - Khoản 398	650.000.000	0	650.000.000
3.1 Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
3.2 Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (**)	650.000.000		650.000.000
4. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
Chương 423 - Loại 070 - Khoản 085			
4.1 Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
4.2 Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			

Bằng chữ: (Bốn tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn).

Ghi chú:

(*) Bao gồm: Kinh phí Mua sắm tài sản: 930 triệu đồng; Kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạng mục công trình: 3.292 triệu đồng (nội dung chi tiết theo QĐ số 3065/QĐ-UBND ngày 06/12/2025).

(**) Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 181/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025.